

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 04 tháng 02, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	VTO	03/02/2026	12.3	1.220.200	251.783	4.85
2	SZC	03/02/2026	35.05	4.346.200	932.120	4.66
3	GMD	03/02/2026	72.9	7.662.200	1.798.000	4.26
4	GIL	03/02/2026	14.8	990.400	241.073	4.11
5	SIP	03/02/2026	64.5	2.276.600	571.537	3.98
6	PNJ	03/02/2026	120	6.753.100	1.849.573	3.65
7	DTD	03/02/2026	19.1	1.107.600	331.507	3.34
8	PXL	03/02/2026	17.8	688.600	206.843	3.33
9	VIP	03/02/2026	12.5	895.400	277.453	3.23
10	VGC	03/02/2026	56.1	4.575.100	1.482.550	03.09
11	PET	03/02/2026	36.55	6.523.000	2.126.583	03.07
12	ORS	03/02/2026	14.35	5.208.400	1.709.643	03.05
13	KBC	03/02/2026	37.9	17.721.100	5.974.767	2.97
14	MSH	03/02/2026	39.2	1.642.900	578.077	2.84
15	DHC	03/02/2026	39	1.305.300	464.887	2.81
16	PLC	03/02/2026	37.1	2.551.800	931.827	2.74
17	VGT	03/02/2026	15	4.591.100	1.698.837	2.7
18	SHI	03/02/2026	14	1.228.200	483.410	2.54
19	CTD	03/02/2026	84.2	1.854.600	734.843	2.52
20	DXP	03/02/2026	12.2	854.000	346.953	2.46
21	ANV	03/02/2026	28.5	3.947.600	1.630.830	2.42
22	IDC	03/02/2026	51.8	9.092.200	3.778.263	2.41
23	PHR	03/02/2026	67.9	2.256.300	953.500	2.37
24	DRI	03/02/2026	13.1	3.024.800	1.316.803	2.3
25	DGW	03/02/2026	56	6.497.200	2.894.140	2.24
26	DPR	03/02/2026	44.45	2.063.200	924.240	2.23
27	VOS	03/02/2026	14.1	3.401.500	1.553.713	2.19
28	CTI	03/02/2026	24	878.300	428.933	02.05



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAA	03/02/2026	7.87	1.420.810	45.94	7.82	0.69
2	BVB	03/02/2026	13.9	3.582.180	52.86	13.7	1.45
3	CMG	03/02/2026	37.1	560.190	63.99	34.73	6.83
4	CTI	03/02/2026	24	528.030	60.7	23.62	1.61
5	DBC	03/02/2026	28.1	8.948.920	52.58	27.28	03.02
6	DPG	03/02/2026	44	790.000	61	42.58	3.33
7	FPT	03/02/2026	103.9	10.925.810	57.17	99.7	4.21
8	HAH	03/02/2026	59.4	2.143.310	55.03	56.68	4.8
9	HCM	03/02/2026	23.09	19.467.750	51.52	23.87	0.12
10	HNG	03/02/2026	6.5	5.729.570	51.2	6.16	5.44
11	HPG	03/02/2026	26.75	31.817.800	49.27	25.75	3.87
12	HUT	03/02/2026	16.2	1.370.420	54.08	15.77	2.74
13	KHG	03/02/2026	6.78	20.063.000	43.6	6.77	0.21
14	LCG	03/02/2026	10.3	2.220.460	49.83	10.17	1.3
15	LPB	03/02/2026	41.55	1.607.020	42.54	40.92	1.55
16	MSB	03/02/2026	12.2	4.963.880	42.65	11.9	2.49
17	NRC	03/02/2026	5.8	800.400	46.86	5.75	0.85
18	NTP	03/02/2026	65	599.150	51.71	62.45	04.09
19	OCB	03/02/2026	11.8	1.521.840	43.51	11.78	0.13
20	QTP	03/02/2026	12.4	555.860	56.32	12.13	2.2
21	SBS	03/02/2026	5.9	887.480	42.94	5.76	2.44
22	SBT	03/02/2026	23.9	528.890	36.2	22.72	5.2
23	SHB	03/02/2026	15.8	54.233.980	39.95	15.09	4.72
24	SSI	03/02/2026	30.9	24.190.790	46.63	29.25	5.65
25	SZC	03/02/2026	35.05	1.215.880	70.86	33.12	5.82



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BVH	79.8	78.5	1.355.910
2	DCL	56.8	55.5	585600
3	DGW	56	52.4	4.000.400
4	DHC	39	38.9	745.920
5	GVR	42.8	42.4	8572960
6	IDC	51.8	49.8	6.127.760
7	MSH	39.2	38.4	778.970
8	OIL	17.8	17.2	10.225.620
9	QNS	48.5	47.97	205.720
10	VGT	15	14.19	2.103.220

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	DPR	44.45	42.15	949.750
2	GMD	72.9	70.5	2.828.570
3	PET	36.55	36.5	2547540
4	PXL	17.8	17.6	252.750
5	SIP	64.5	61	861.710
6	SZC	35.05	33.05	1.215.880
7	VGC	56.1	52.5	1.878.460
8	VTO	12.3	12.2	339.190

Vượt đỉnh phá đáy

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ABT	63	63.4	15.060
2	CRE	7.3	7.4	411.920
3	CSC	16.2	16.3	28.890
4	DBT	10.45	10.8	14.100
5	DXS	7.11	7.2	2.246.250
6	HGM	218	225	14.660
7	HSL	6.43	6.87	207.700
8	HVT	28.1	28.2	50.440
9	ITC	12.55	12.65	140.780
10	KHP	11.85	11.9	25.350
11	NBB	17.6	17.8	43.030
12	SJS	51.6	52	45.900
13	SVC	19.75	19.8	11.410
14	TFC	45.9	48	10.850
15	VNB	16	16.1	25.670
16	VNE	5.37	5.39	137.320

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 nam	TBKL 10 phiên
1	AAH	3.3	3.3	789.950
2	HVT	28.1	28	50.440
3	NBB	17.6	17.3	43.030
4	SHN	4.2	3.9	40.740



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	HCM	23.9	23.87	19.467.750
2	LCG	10.3	10.17	2.220.460
3	NRC	5.8	5.75	800400
4	OCB	11.8	11.78	1.521.840
5	SZC	35.05	33.12	1.215.880
6	VPI	54.7	54.69	1.466.870

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CRC	9.26	9.25	1.052.420
2	CSV	29.75	29.31	1.078.870
3	DRI	13.1	12.83	1060560
4	ELC	23.6	23.45	1.889.460
5	HAH	59.4	58.83	2.143.310
6	HBC	6.5	6.4	1.156.510
7	HPG	26.75	26.73	31.817.800
8	HUT	16.2	16.14	1.370.420
9	NTP	65	63.85	599150
10	REE	62.7	62.59	680920
11	SMC	13.65	13.51	517800

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ABB	14.3	14.28	1.603.860
2	BCM	74	71.69	1.774.850
3	BOT	2.1	1.99	552550
4	CSV	29.75	29.73	1.078.870
5	DIG	16.3	16.26	10.626.760
7	HDC	21.65	21.5	3928980
8	HQC	2.88	2.87	4424340
9	KBC	37.9	35.87	7094830
10	REE	62.7	62.24	680920
11	TIG	8.9	8.64	919670
12	TVN	9	8.72	867470
13	VEA	36.9	36.48	1346350
14	VPI	54.7	54.42	1466870
15	VTP	116.2	115.76	1135260



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	LDG	4.3	4.1	2.104.540

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	QCG	14.65	14.7	598.430
2	TCB	34.7	34.76	11.754.010

Phá vỡ các đường trung bình

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	LDG	4.3	04.06	2.104.540
2	PDR	17.7	17.75	10.191.810



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	03/02/2026	13.95	13.85	14.25	2.89	242,600
2	ODE	03/02/2026	45.8	45.3	46.8	3.31	17,880
3	GHC	03/02/2026	28.8	28.5	30	5.26	36,700
4	CLH	03/02/2026	22	20.9	22	5.26	5,480
5	RAL	03/02/2026	92.6	90.5	95.4	5.41	6,180
6	PPT	03/02/2026	15.4	14.8	15.6	5.41	219,120
7	CLL	03/02/2026	30.55	30.1	31.9	5.98	9,260
8	VSH	03/02/2026	44.45	42	45	7.14	7,620
9	TCW	03/02/2026	32	30.7	33	7.49	11,640
10	SCG	03/02/2026	63.8	62.1	66.8	7.57	21,900
11	SHP	03/02/2026	34.6	33	35.6	7.88	5,540
12	HMC	03/02/2026	11.03	11.1	12	8.11	10,340
13	PGB	03/02/2026	12.5	12	13	8.33	6,780
14	SSB	03/02/2026	17	16.6	18	8.43	2,225,080
15	USD	03/02/2026	18.5	17.4	18.9	8.62	8,640
16	DRL	03/02/2026	45.8	45.8	49.78	8.69	7,000
17	TDC	03/02/2026	11.7	11.25	12.25	8.89	157,780
18	GDT	03/02/2026	19.75	18.75	20.42	8.91	27,680
19	DHG	03/02/2026	104.2	100	109	9	16,160
20	OCB	03/02/2026	11.8	11.65	12.7	09.01	1,180,360
21	NTC	03/02/2026	160.8	152.2	166	09.07	19,100
22	TCL	03/02/2026	35.1	33.3	36.35	9.16	37,500
23	TCT	03/02/2026	19.8	19	20.75	9.21	6,660
24	PMB	03/02/2026	10.3	9.7	10.6	9.28	8,360
25	CHP	03/02/2026	27.4	27.3	29.86	9.38	94,960



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009